

THE CONVERSION OF THE GODDESS TSERINMA

SỰ CHUYỂN HÓA CỦA NỮ THẦN TSERINMA

PART III / PHẦN III

Story 29 · Garma C. C. Chang translation · The Hundred Thousand Songs of Milarepa · printed pp. 329-332

The Dakinis above, on, and beneath the earth,
Together with the meritorious Devas
Will also come to greet you. They will bring
Victorious banners and great canopies
And play melodious music for your welcome.
They will make you splendid offerings,
Showing you the way to the Pure Land.
Let us, who have seen you and heard you preach,
Both human beings and Non-men,
All become your servants
And follow you to the Pure Land!

*Các Dakini ở trên, trên mặt và dưới lòng đất,
Cùng với chư Thiên đầy công đức,
Cũng sẽ đến nghênh đón Ngài. Họ sẽ mang
Cờ chiến thắng và những bảo cái lớn,
Và tấu nhạc du dương để chào đón Ngài.
Họ sẽ dâng Ngài những phẩm vật huy hoàng,
Chỉ đường cho Ngài đến Tịnh Độ.
Nguyện chúng con, những người đã thấy Ngài và nghe Ngài thuyết Pháp,
Cả loài người lẫn các chúng sinh phi nhân,
Đều trở thành người phụng sự Ngài
Và theo Ngài đến Tịnh Độ!*

Thus they sang, offering their sincere wishes and expressing their admiration.
Họ hát như thế, dâng những lời nguyện chân thành và bày tỏ lòng ngưỡng mộ.

Milarepa thought, “These worldly Dakinis are very arrogant and incorrigible. They still have to be subdued and disciplined.” So he said, “Fair ladies, it is indeed wonderful that you have such faith and respect for me and have expressed your sincere, pure wishes for the future. I have shown you the Path leading towards Buddhahood, and granted you the Precepts of the Bodhisattva. Now I am going to give you the Instructions and Precepts of the Diamond Vehicle, which abounds with skills and means; it is the easiest, fastest, and most versatile Path leading towards Buddhahood. Now you should prepare the offerings, and also surrender to me the quintessence of your lives.”

Milarepa nghĩ: “Những Dakini thế gian này rất kiêu ngạo và khó sửa. Họ vẫn cần được điều phục và rèn luyện.” Vì thế Ngài nói: “Các tiên nữ, thật tuyệt diệu khi các cô có tín tâm và lòng kính trọng đối với ta như vậy, và đã bày tỏ những lời nguyện chân thành, thanh tịnh cho tương lai. Ta đã chỉ cho các cô Con Đường dẫn đến Phật quả và truyền cho các cô Giới Bồ-tát. Bây giờ ta sẽ ban cho các cô Giáo Huấn và Giới của Kim Cang Thừa, vốn phong phú về thiện xảo và phương tiện; đó là Con Đường dễ dàng, nhanh chóng và linh hoạt nhất dẫn đến Phật quả. Bây giờ hãy chuẩn bị phẩm cúng, đồng thời dâng cho ta tinh túy sinh mạng của các cô.”

The Dakinis were thrilled with great joy. Immediately they arranged oblations on a grand scale, prostrated themselves before the Jetsun, and circumambulated him many times; and finally they offered him their lives. They then sat round him, as before. Thereupon, Milarepa vouchsafed them the Initiation called “Demonstrating the Awareness of Drol Ma,” and the Initiation of the Goddess Kurukulla, together with the teaching of the Reciting-the-[words-of-]Essence.

Các Dakini vô cùng hoan hỷ. Ngay lập tức họ bày biện phẩm cúng thật lớn, đánh lễ trước Jetsun và đi nhiễu quanh Ngài nhiều lần; cuối cùng họ dâng cả sinh mạng cho Ngài. Rồi họ lại ngồi quanh Ngài như trước. Khi ấy Milarepa ban cho họ quán đảnh gọi là “Hiển Bày Giác Biết của Drol Ma,” quán đảnh của Nữ Thần Kurukulla, cùng giáo huấn về việc trì tụng [những lời của] Tinh Túy.

He admonished them to observe the discipline strictly, and instructed them to visualize their Guru sitting on their heads at all times. He taught them that whatever the crisis they might encounter, good or bad, they should look only to the Three Precious Ones for guidance and help. Never should they put their trust in pagan gods.

Ngài khuyên họ nghiêm trì giới luật và dạy họ luôn quán tưởng Guru an tọa trên đỉnh đầu. Ngài dạy rằng bất cứ hoàn cảnh nguy cấp nào họ gặp phải, tốt hay xấu, họ chỉ nên hướng về Tam Bảo để được chỉ dẫn và trợ giúp. Họ không bao giờ nên đặt niềm tin nơi các thần ngoại đạo.

The Jetsun then said, “You should know that the outer world is, in essence, identical with the Beyond-measure Palace of the Buddhas; all sentient beings are, in essence, identical with the Patron [Yidham] Buddhas. Whoever you meet, you should respect him and love him. Not even for a single moment should you have any malignant and hostile thoughts towards anyone, nor should you revile or hurt him in any manner. In all circumstances and at all times you should not forget the Self-Buddha Pride.”

Jetsun nói tiếp: “Các cô nên biết rằng thế giới bên ngoài, về bản tánh, đồng nhất với Cung Điện Vô Lượng của chư Phật; tất cả chúng sinh, về bản tánh, đồng nhất với chư Phật Bổn Tôn [Yidam]. Bất cứ gặp ai, các cô cũng nên kính trọng và thương yêu người ấy. Dù chỉ trong một khoảnh khắc, đừng khởi ác ý hay thù nghịch đối với bất cứ ai, cũng đừng phỉ báng hay làm tổn thương họ bằng bất kỳ cách nào. Trong mọi hoàn cảnh và mọi lúc, các cô không nên quên ‘Niềm Kiêu Hãnh Tự-Phật’.”

The five goddesses then said to Milarepa, “Oh Jetsun, the teaching of Tantra is indeed the fastest, easiest, and most resourceful of all teachings. We are very grateful that you bestowed it and its precepts upon us. We impure sentient beings have been driven by deep-rooted habitual thinking since beginningless time in Samsara. We women, especially, are low of birth and inferior in intelligence. Though we cannot really understand that which you have imparted to us, we shall try our best to learn and practice it.”

Năm nữ thần nói với Milarepa: “Ôi Jetsun, giáo pháp Mật thừa quả thật là nhanh nhất, dễ nhất và giàu phương tiện nhất trong các giáo pháp. Chúng con vô cùng biết ơn vì Ngài đã ban giáo pháp ấy cùng các giới điều cho chúng con. Chúng con, những chúng sinh bất tịnh, đã bị các tập khí tư duy ăn sâu thúc đẩy từ vô thủy trong Luân hồi. Đặc biệt chúng con là phụ nữ, sinh ra thấp kém và trí tuệ kém cỏi. Dù chưa thật sự hiểu được những gì Ngài đã truyền, chúng con sẽ cố gắng hết sức học và thực hành.”

“Though we may not be able to perceive that all sentient beings are Buddhas, we shall not harm them in any manner. We will give assistance and service to the followers of Dharma, and will try our utmost to give special protection and help to the followers of your Lineage. We will

provide them with all they need for their devotions and assist them to obtain all the favorable conditions they require. We will serve them as their servants.”

“Dù có thể chưa nhận ra rằng tất cả chúng sinh đều là Phật, chúng con sẽ không làm hại họ bằng bất cứ cách nào. Chúng con sẽ giúp đỡ và phụng sự những người theo Pháp, và sẽ cố gắng hết sức đặc biệt bảo hộ, trợ giúp những người theo Dòng Truyền của Ngài. Chúng con sẽ cung cấp những gì họ cần cho sự tu tập và giúp họ có được mọi thuận duyên cần thiết. Chúng con sẽ phụng sự họ như những người hầu.”

Swearing thus, they bowed down to Milarepa and circumambulated him many times. Then they all disappeared into the sky.

Thệ nguyện như vậy, họ cúi lạy Milarepa và đi nhiễu quanh Ngài nhiều lần. Rồi tất cả biến mất vào bầu trời.

This is the story of how the indescribable great Yogi Milarepa, the Laughing Vajra, met with the five worldly Dakinis, including their leader, the Auspicious Lady of Long Life. Also found in this story is the song which answered the Dakinis’ inquiry about the principle of raising the Bodhi-Mind.

Đây là câu chuyện về việc Đại Yogi Milarepa không thể diễn tả, Kim Cang Tiểu, gặp năm Dakini thế gian, trong đó có vị đứng đầu là Tiên Nữ Cát Tường Trường Thọ. Trong câu chuyện này cũng có bài ca trả lời câu hỏi của các Dakini về nguyên lý phát Bồ-đề Tâm.

This event was recorded by the well-gifted, virtuous Repa Shiwa Aui on the peak of the Auspicious Mountain of Tuntin, by the left side of Dinma Drin market. In recording this story, Shiwa Aui has carefully and repeatedly inquired, and discussed [the matter] with the Auspicious Lady of Long Life in person. Afterwards, he met the Jetsun himself three times, the Jetsun also giving him, with approbation, some needed information.

Sự kiện này được Repa Shiwa Aui, vị có căn cơ và đức hạnh, ghi lại trên đỉnh Núi Cát Tường Tuntin, bên trái chợ Dinma Drin. Khi ghi chép câu chuyện, Shiwa Aui đã cẩn thận hỏi đi hỏi lại và trực tiếp thảo luận [vấn đề] với Tiên Nữ Cát Tường Trường Thọ. Sau đó, ông gặp chính Jetsun ba lần; Jetsun cũng hoan hỷ cung cấp cho ông một số thông tin cần thiết.

In that quiet, delightful, and accomplishment-granting place, the Meritorious Forest of Ahom Chun, Shiwa Aui and Ngan Tson Dunba Bodhiradza, in consideration of benefiting some destined persons in the future, have faithfully put the Jetsun’s words down without adding to or abridging the original narrations and events. Their rhetorical and well-arranged writing [deserves to be called] the Illuminating and Nectar-like Rosary of Words.

Tại nơi yên tĩnh, hoan hỷ và ban thành tựu ấy, Rừng Công Đức Ahom Chun, Shiwa Aui và Ngan Tson Dunba Bodhiradza, vì nghĩ đến lợi ích của một số người hữu duyên trong tương lai, đã trung thực ghi lại lời Jetsun mà không thêm vào hay lược bớt những tường thuật và sự kiện nguyên thủy. Lối văn lưu loát và sắp xếp khéo léo của họ [xứng đáng được gọi là] Chuỗi Tràng Lời Sáng Tổ và Như Cam Lồ.

NOTES / CHÚ THÍCH

1. “Up-going Bliss”: According to the supreme Bliss-Void Yoga, a great bliss will arise if a yogi can lift his life-energy from the lower part of the Central Channel to a higher position. The consummation of this bliss is achieved when the life-energy reaches the Cakra at the top of the head.

1. “Đại Lạc Đi Lên”: Theo Du-già Đại Lạc-Tính Không tối thượng, đại lạc sẽ sinh khởi nếu yogi có thể nâng sinh lực từ phần dưới của Kinh Mạch Trung Ương lên vị trí cao hơn. Đại lạc này viên mãn khi sinh lực đạt đến luân xa trên đỉnh đầu.

2. It is said that when a Tantric yogi reaches a very advanced stage of Enlightenment, he should practice the Tantric Madness or Act-of-Insanity by behaving like a lunatic, to completely emancipate himself from all conventional thoughts and habits and thus reach final and perfect Enlightenment.

2. Người ta nói rằng khi một yogi Mật thừa đạt đến giai đoạn Giác Ngộ rất cao, vị ấy nên thực hành “Cuồng Mật Thừa” hay “Hành Vi Điên” bằng cách hành xử như người điên, nhằm hoàn toàn giải thoát khỏi mọi tư tưởng và tập quán quy ước, nhờ đó đạt Giác Ngộ tối hậu và viên mãn.

3. Lit.: The Samadhi of “Elements-Exhaustion”: Having completely mastered the art of Dhyana, the yogi is said to be capable of working miracles by manipulating the Prana in various ways within his mind-body complex. He is thus able to conceal or bring into manifestation the power of each Element for a specific performance or purpose.

3. Nghĩa đen: Tam-ma-địa “Các Đại Cạn Kiệt”. Khi hoàn toàn làm chủ nghệ thuật Thiền định (Dhyana), yogi được cho là có khả năng thị hiện thần thông bằng cách vận dụng Prana theo nhiều cách trong phức hợp thân-tâm; nhờ đó có thể che giấu hoặc làm hiển lộ năng lực của từng Đại cho một mục đích cụ thể.

4. Ba Men, the wild ox of Tibet: Some say this is another name for the Tibetan yak.

4. Ba Men, bò hoang Tây Tạng: có người cho rằng đây là một tên khác của yak Tây Tạng.

5. T.T.: Bar.dHa.Na.: This seems to be another geographical name for Tibet.

5. T.T.: Bar.dHa.Na.: dường như đây là một tên địa lý khác chỉ Tây Tạng.

6. The Tibetan word “sPyan.Phyag” means literally “eye obeisance.” The translator presumes that this term refers to a certain eye-gesture (mudra) performed for the purpose of veneration. This may still be used in India, but is no longer extant in Tibet.

6. Từ Tây Tạng “sPyan.Phyag” nghĩa đen là “đảnh lễ bằng mắt”. Dịch giả cho rằng thuật ngữ này chỉ một cử chỉ bằng mắt (mudra) dùng để bày tỏ sự tôn kính. Cách này có thể vẫn còn được dùng ở Ấn Độ, nhưng không còn tồn tại ở Tây Tạng.

7. Yed Pa: Milarepa was given the name of Yed Pa Dorje (the Laughing Vajra) by his Guru, Marpa, when he was first initiated.

7. Yed Pa: Milarepa được Guru Marpa ban tên Yed Pa Dorje (Kim Cang Tiếu) khi Ngài lần đầu được quán đảnh.

8. Worldly Dakinis: Khandroma, or Dakinis, the sky travelers, are not all more holy than, or spiritually superior to, ordinary sentient beings. According to traditional Tibetan beliefs, there are two kinds of Dakinis: one is the holy, or transcendental type, and the other is the worldly kind. Tara, Dorje Paumo, etc., belong to the former category, for they are fully enlightened Buddhas manifesting in female form. The worldly Dakinis, such as Tserinma, are still bound by Samsaric desires and ignorance despite their superhuman powers.

8. Dakini thế gian: Khandroma, hay Dakini—những vị “du hành trong không trung”—không phải tất cả đều thánh thiện hơn hay cao hơn về tâm linh so với chúng sinh bình thường. Theo tín ngưỡng Tây Tạng truyền thống, có hai loại Dakini: loại thánh thiện/siêu thế và loại thế gian. Tara, Dorje Paumo, v.v. thuộc loại thứ nhất vì là chư Phật hoàn toàn giác ngộ hiện thân nữ. Các Dakini thế gian như Tserinma vẫn bị ràng buộc bởi dục vọng và vô minh của Luân hồi, dù có năng lực siêu phàm.

9. Lit.: “... at the upper end of my three Nadis.”

9. Nghĩa đen: “... ở đầu trên của ba Nadi (kinh mạch) của ta.”

10. A while ago: See Story 28.

10. “Một thời gian trước”: xem Story 28.

11. Worldly, or mundane accomplishments: miraculous performances and superhuman powers which are still of a Samsaric nature.

11. Các thành tựu thế gian: những năng lực thần diệu và siêu phàm vẫn thuộc bản chất Luân hồi.

12. Passion-Bodhis: This is a very rare term seldom seen in the general Buddhist scriptures. Literally it means the “Bodhi of Klesas.” Although, according to the principle of Tantrism, it is permissible to say that human passions and desires (Klesas) are in essence identical with the merits and wisdom of Buddhahood, it is incorrect to say that the two are absolutely identical in every aspect. Passion-Bodhis, or the Bodhi of Klesas, should therefore be treated as an exceptional term reflecting a certain special Tantric thought outside the general framework of Buddhist orthodoxy.

12. Passion-Bodhis: đây là thuật ngữ rất hiếm, ít thấy trong kinh điển Phật giáo nói chung; nghĩa đen là “Bồ-đề của Klesa”. Theo nguyên lý Mật thừa, có thể nói phiền não và dục vọng của con người (Klesa) về bản tánh đồng nhất với công đức và trí tuệ Phật quả; nhưng sẽ không đúng nếu nói hai bên tuyệt đối giống nhau về mọi phương diện. Vì vậy “Passion-Bodhis” hay “Bồ-đề của Klesa” nên được xem là một thuật ngữ ngoại lệ, phản ánh một tư tưởng Mật thừa đặc thù ngoài khuôn khổ Phật giáo chính thống nói chung.

13. The translator notes a probable misprint in the Tibetan text at this sentence; otherwise the phrase would be very difficult to explain and fit into the context.

13. Dịch giả lưu ý rằng câu này trong bản Tây Tạng có lẽ có lỗi in; nếu không thì rất khó giải thích và đặt cho phù hợp với văn cảnh.

14. T.T.: Ro.gCid., lit.: “one-taste.” A freer translation is “at-one-ment,” or “the great one identity.” It is a widely used term in Tantric literature denoting the all-identical or non-differentiated nature of beings.

14. T.T.: Ro.gCid., nghĩa đen “một vị”. Có thể dịch thoáng là “nhất thể” hay “đại đồng nhất”. Đây là thuật ngữ được dùng rộng rãi trong văn học Mật thừa để chỉ bản tánh đồng nhất hoặc bất phân biệt của các pháp.

15. Two Truths: first, the Mundane Truth; second, the Transcendental Truth. The former can also be rendered as the conditional, dependent, or expedient Truth, and the latter as the absolute or final Truth.

15. Hai Chân Lý: thứ nhất là Chân Lý Thế Tục; thứ hai là Chân Lý Siêu Thế. Chân lý thứ nhất cũng có thể hiểu là chân lý có điều kiện, phụ thuộc hay phương tiện; chân lý thứ hai là Chân Lý Tuyệt Đối hay Tối Hậu.

16. The Pure Land of Joy: the land of Buddha Mijurpa (Skt. Akshobhya); His position among the five Dhyana Buddhas is in the East.

16. Tịnh Độ Hỷ Lạc: cõi của Phật Mijurpa (Phạn: Akshobhya/A Súc Phật); vị trí của Ngài trong Năm Thiền Phật là phương Đông.

17. Self-Buddha Pride: A Tantric yogi should, in all daily activities, always remember his Patron-Buddha-Identification “feeling” gained during Arising Yoga practice. This yoga transforms worldly empirical experience into a higher order corresponding to perfect Buddhahood. The yogi is taught to visualize his body as Buddha’s body, his words as Buddha’s preaching, and his thoughts as Buddha’s all-manifesting Wisdom. This meditation is also called the “Arising of Self-Buddha Pride.”

17. “Niềm Kiêu Hãnh Tự-Phật”: trong mọi sinh hoạt hằng ngày, yogi Mật thừa phải luôn nhớ cảm nhận đồng nhất với Bốn Tôn đã đạt được trong thực hành Du-già Sinh Khởi. Pháp này nhằm chuyển hóa kinh nghiệm thế gian thành một bình diện tương ứng với Phật quả viên mãn. Yogi được dạy quán thân mình là thân Phật, lời nói là lời thuyết Pháp của Phật và tư tưởng là Trí Tuệ hiển lộ khắp của Phật. Pháp quán đồng nhất với Phật này cũng được gọi là “Sự Sinh Khởi của Niềm Kiêu Hãnh Tự-Phật”.

SOURCE / NGUỒN

Garma C. C. Chang (trans. & annot.), *The Hundred Thousand Songs of Milarepa*, Story 29, “The Conversion of the Goddess Tserinma,” printed pp. 329–332, including Notes 1–17. English follows the reader-supplied Chang edition; Vietnamese is a faithful bilingual translation. No commentary added.